ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3876 /QĐ-UBND	*Vĩnh Linh, ngày 07 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phân bổ kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn huyện (đợt 2)

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26/5/2015;

Căn cứ Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 (đợt 3);

Xét Tờ trình số 513/TTr-PNN ngày 27/10/2022 của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 (đợt 2) và đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - KH huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 (đợt 2) cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn huyện với tổng số tiền là: 2.147.207.000 đồng *(Kèm theo biểu chi tiết).*

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm linh bảy nghìn đồng.

Điều 2. Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện hướng dẫn các đơn vị có tên tại Điều 1 lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán theo đúng chế độ, quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch; Nông nghiệp & PTNT huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Linh; Giám đốc các Hợp tác xã, Tổ trưởng các Tổ hợp tác có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Văn Thành

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TV Huyện ủy,TT HĐND, UBMTTQVN huyện;
- CT, các Phó CT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG SP, DV CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2022 (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: 3886/QĐ-UBND ngày 07 /11/ 2022 của UBND huyện Vĩnh Linh)

ĐVT: Đồng

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN HỖ TRỢ	GHI CHÚ
1	HTX SXNN Huỳnh Công Tây	59.167.000	
2	HTX DVNN Trường Kỳ	50.532.000	
3	HTX DVNN Vĩnh Kim	87.260.000	
4	HTX DVNN Hiền Dũng	27.393.000	
5	HTX DVNN Mỹ Tú	55.432.000	
6	HTX DVKDTHNN Quảng Xá (Vĩnh Lâm)	25.459.000	
7	HTX SXDVKD Nông Lâm Ngư Thử Luật	35.626.000	
8	HTX DVNN Lai Bình	67.579.000	
9	HTX DVNN Tân Trại Thượng	44.328.000	
10	HTX DVNN Quảng Xá (Vĩnh Long)	28.561.000	
11	HTX NN Nam Hồ	30.721.000	
12	HTX NN Liêm Công Tây	31.286.000	
13	HTX SXDK DV và XDNN Thuỷ Ba Đông	29.253.000	
14	HTX SXNN Di Loan	29.530.000	
15	HTX NN Cổ Mỹ	65.320.000	
16	HTX DVTH Minh Phước	35.035.000	
17	HTX NN Tân Mỹ	85.333.000	
18	HTX NN Thượng Hoà	52.961.000	
19	HTX DVNN Chấp Lễ	97.221.000	
20	HTX DVTH Hoà Bình	23.902.000	
21	HTX SXKD DVNN Thuỷ Ba Tây	16.580.000	
22	HTX SXKD DVNN Phan Hiền	102.507.000	
23	HTX SXDK DVNN Thuỷ Ba Hạ	12.119.000	
24	HTX NN Huỳnh Công Đông	32.349.000	
25	HTX KD và DV nông sản Tây Vĩnh Thủy	42.923.000	
26	HTX DVNN Nam Sơn	35.385.000	
27	HTX DVNN Huỳnh Xá Hạ	63.075.000	
28	HTX DVNN Sa Trung	66.375.000	
29	HTX DVNN Vĩnh Thạch	59.090.000	
30	HTX NN Thuỷ Trung	55.768.000	
31	HTX DVNN Nam Phú	53.908.000	

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN HỖ TRỢ	GHI CHÚ
32	HTX NN Bình An	79.789.000	
33	HTX DVNN Hùng Cường	49.306.000	
34	HTX DVNN Vĩnh Hiền	38.236.000	
35	HTX DVNN Gia Lâm	18.739.000	
36	HTX SXKD DVNN Liêm Công Đông	30.065.000	
37	Tổ HTDN xã Vĩnh Tân	67.314.000	
38	Tổ HTDN xã Vĩnh Ô	28.432.000	
39	Tổ HTDN xã Vĩnh Khê	27.741.000	
40	Tổ HTDN thị trấn Bến Quan	38.836.000	
41	HTX NTTS Vĩnh Thành	81.517.000	
42	Tổ HTDN xã Vĩnh Giang	37.776.000	
43	HTX SXKD DVNN TH Huỳnh Thượng	70.068.000	
44	Tổ HTDN xã Vĩnh Lâm	29.800.000	
45	HTX SXDK DVNN Đức Xá	32.060.000	
46	THT NTTS Vĩnh Thái	15.550.000	
Tổng cộng		**2.147.207.000**	